TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/3/2024
V/v: "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Cương

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Chị T và anh T1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong đời sống hằng ngày, cãi vã thường xuyên, anh T1 có quan hệ ngoài luồng. Mặc dù hai bên gia đình có hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn trở lên trầm trọng, không thể hòa hợp được. Vợ chồng chị

sống ly thân từ khoảng tháng 6/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T1 không còn, chị yêu cầu ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Lệ T2, sinh 02/11/2007; cháu Nguyễn Quang H, sinh 03/08/2009 và cháu Nguyễn Hoài A, sinh 22/9/2020. Hiện nay các cháu đang chung sống với cả bố và mẹ tại thôn T, xã Đ, huyện Y. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cả 03 cháu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn ngày 02/4/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong đời sống hằng ngày, cãi vã thường xuyên, chị T nóng tính và hay phản ứng quá đáng. Anh chị đã ly thân khoảng 06 tháng đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy nhiên anh vẫn muốn hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau, vì vậy chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị T trình bày là đúng. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa*:

- Chị T trình bày mặc dù anh chị vẫn cư trú cùng nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không còn tình cảm vợ chồng. Chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh T1, chị yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, nếu không được chấp nhận thì chị yêu cầu được nuôi con thứ hai (cháu H) và con út (cháu A), còn con lớn nhất (cháu T2) giao cho anh T1 nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chị đều không yêu cầu giải quyết.

- Anh T1 thừa nhận anh chị đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, anh còn rất ít tình cảm vợ chồng với chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố và mẹ. Nếu ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cả 03 con chung, trường hợp không được nuôi cả 03 con thì anh đề nghị được nuôi con lớn nhất (cháu T2) và con bé nhất (cháu A), còn con thứ hai (cháu H) giao cho chị T nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ anh đều không yêu cầu giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Xử cho chị T ly hôn anh T1. Giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Lệ T2 và cháu Nguyễn Hoài A. Giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh T1 có nơi cư trú tại huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án "tranh chấp ly hôn, nuôi con" là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1:

Chị T và anh T1 kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày có khác nhau, theo chị T là do anh T1 có quan hệ ngoại tình, theo anh T1 là do chị T nóng tính và hay phản ứng quá đáng nhưng hai bên đều thừa nhận anh chị đã bất đồng quan điểm trong đời sống hằng ngày, cãi vã thường xuyên. Anh chị đều thừa nhận, hai bên đã nhiều lần trao đổi tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên nhủ hòa giải nhưng không thành, anh chị vẫn không hòa thuận được. Từ tháng 7/2023 đến nay mặc dù còn ở chung nhà nhưng anh chị đã ly thân. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh T1. Anh T1 không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh chị cư trú cũng xác định được anh chị mâu thuẫn do anh T1 có biểu hiện quan hệ ngoại tình. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều nhưng tình cảm vợ chồng của anh chị không hòa thuận được, gia đình chị T nhận định anh chị rất khó hòa thuận. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh T1.

[3] Về việc nuôi con chung: chị T và anh T1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Lệ T2, sinh 02/11/2007; cháu Nguyễn Quang H, sinh 03/08/2009 và cháu Nguyễn Hoài A, sinh 22/9/2020. Hiện tại các cháu đang sinh sống cùng anh chị. Khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu.

Xem xét về điều kiện nuôi con, hiện tại chị T và anh T1 đang sinh sống cùng nhà, anh chị đều trình bày là còn có các thửa đất khác ở cùng xã, sau khi ly hôn mỗi người sẽ ở trên một thửa đất. Anh chị đều làm nghề ép dầu thực vật và đều có điều kiện kinh tế đầy đủ để nuôi các con. Về nguyện vọng thì cháu T2 và cháu H đều có nguyện vọng ở với chị T. Xét thấy, cháu T2 là con gái đang lứa tuổi vị thành niên cần sự quan tâm chia sẻ của người mẹ, cháu lại có nguyện vọng ở với mẹ, cháu A còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu T2 và cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H là con trai cần sự quan tâm chia sẻ của bố nên giao cho anh T1 nuôi dưỡng để đảm bảo các bên đều có đủ thời gian, kinh tế để nuôi dưỡng các con tốt nhất, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và khả năng chăm sóc con của hai bên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh T1 và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Vũ Lệ T2, sinh 02/11/2007 và cháu Nguyễn Hoài A, sinh 22/9/2020.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh 03/08/2009.

- Sau khi ly hôn, chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T và anh T1 thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0000369 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đồng Lạc,
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng